

Số: 19/2019/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước của Phí thăm quan khu di tích cổ đô Hoa Lu tại Khoản 9 Tiểu mục II Mục A:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
9	Phí thăm quan Khu di tích lịch sử văn hoá Cổ đô Hoa Lu	Đồng/ người/lượt		70%	30%
	- Miễn thu phí đối với trẻ em dưới 6 tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng.				
a	Người lớn		20.000		
b	Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật nặng		10.000		

2. Sửa đổi tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước của Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Tiêu mục XIII Mục A:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
XIII	Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đồng/01 bộ hồ sơ		70%	30%
1	Đối với trường hợp lập hồ sơ cấp quyền sử dụng đất làm nhà ở (chỉ áp dụng đối với đối tượng có nhu cầu hoặc cần				

	phải thẩm định theo quy định)				
a	Cấp mới				
	Khu vực thị trấn, thành phố		500.000		
	Khu vực Nông thôn		100.000		
b	Đổi lại:				
	Khu vực thị trấn, thành phố		250.000		
	Khu vực Nông thôn		50.000		
2	Đối với trường hợp đất để sản xuất kinh doanh (chỉ áp dụng đối với đối tượng có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định)				
a	Cấp mới				
	Khu vực thị trấn, thành phố		1.000.000		
	Khu vực Nông thôn		500.000		
b	Đổi lại				
	Khu vực thị trấn, thành phố		500.000		
	Khu vực Nông thôn		250.000		

3. Bổ sung Khoản 13 “ Phí thăm quan Danh lam thắng cảnh Tuyên 3 khu hang động du lịch Tràng An” vào Tiểu mục II Mục A:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
II	Phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá				

13	Tuyển 3 khu hang động du lịch Tràng An	Đồng/người /lượt		90%	10%
a	Người lớn		80.000		
b	Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật nặng		40.000		

4. Bổ sung Tiểu mục XVII “ Phí thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp” vào Mục A

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
XVII	Phí thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	đồng/ Giấy chứng nhận		90%	10%
a	Cấp lần đầu giấy chứng nhận				
-	Kinh doanh 01 môn thể thao		1.000.000		
-	Kinh doanh 02 môn thể thao		1.200.000		
-	Kinh doanh 03 môn thể thao		1.600.000		
-	Kinh doanh 04 môn thể thao trở lên		2.000.000		
b	Cấp lại giấy chứng nhận				
-	Do mất hoặc hư hỏng; Thay đổi các nội dung: tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; Điều chỉnh giảm danh mục hoạt động thể thao kinh		500.000		

	doanh.				
-	Do thay đổi địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao		800.000		
-	Do bổ sung danh mục hoạt động thể thao kinh doanh:				
+	Bổ sung tăng kinh doanh 01 môn thể thao		400.000		
+	Bổ sung tăng kinh doanh 02 môn thể thao		800.000		
+	Bổ sung tăng kinh doanh 03 môn thể thao trở lên		1.200.000		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12/7/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND tỉnh, UBND TTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBND TTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng TH.



Trần Hồng Quảng

